

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-PT

Ngày: 10/6/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang và ông Lương Quang

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hoặc 35B L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt
2. Bị đơn: Ông Trương Văn C – sinh năm 1962 và Trương Hồng Đ – sinh năm 1994; Trú tại: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Xin vắng mặt
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn Th – sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2013, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn ông Trương Văn C và ông Trương Hồng Đ trả nợ số tiền mua xe 9.750.000đ, lãi

1,125%/tháng từ ngày 21/01/2012 cho đến ngày trả nợ cuối cùng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi tính theo quy định pháp luật.

-Bị đơn ông Trương Văn C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: vào năm 2012, tôi có mua xe máy của bà Hồ Thị Thanh S, giá mua xe là 9.750.000đ. Sau khi mua, tôi có trả cho bà S hai lần, một lần trả 1.500.000đ và một lần trả 2.000.000đ, nhưng bà S không làm giấy tờ gì cho tôi. Tôi là người ở xã H, huyện T mà bà S làm giấy tờ xe ở Đông Hòa và trên giấy tờ xe đứng tên người khác là không hợp pháp. Vì xe giấy tờ không hợp lệ nên tôi không đồng ý trả số tiền mà bà S khởi kiện tôi.

Ông Trương Hồng Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, có Giấy ủy quyền ký ngày 22/6/2014 (BL41) cho ông C tham gia tố tụng tại Tòa án cho đến khi kết thúc vụ án, ông Đ không trình bày ý kiến.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn Th trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trình bày: ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng cảnh sát giao thông thành phố T hoặc huyện Đ làm thủ tục chuyển nhượng sang tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô do Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF 020.96 và 78AF – 02039). Ông Th xin tòa xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2013. Buộc bị đơn ông Trương Văn C, ông Trương Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 15.751.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi một ngàn đồng) (trong đó gốc 9.750.000đ, lãi 6.001.000đ). Bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn Th phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1 – 061.06 cho ông Trương Văn C, ông Trương Hồng Đ khi ông C, ông Đ trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuế trước bạ lần 02 do ông C, ông Đ nộp.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 25/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/12/2019, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần tính lãi yêu cầu tòa tính lãi suất là 1.125%/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn xin vắng mặt và thống nhất bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn ông Trương Văn C và ông Trương Hồng Đ trả nợ số tiền mua xe 9.750.000đ, lãi tính theo quy định của pháp luật, sau khi trả hết nợ, bà S và ông Th có trách nhiệm ký giấy bán xe, tiền sang tên trước bạ lần hai do bị đơn chịu. Tại Biên bản hòa giải ngày 12/9/2013 và bản tự khai, ông C thừa nhận có mua xe của bà S, còn nợ lại số tiền 9.750.000đ; Tại Biên bản hòa giải ngày 29/4/2014, ông C chấp nhận trả nợ 9.750.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ; Tại Biên bản hòa giải ngày 10/6/2019, ông C không chấp nhận trả nợ vì cho rằng trả cho bà S hai lần, một lần trả 1.500.000đ và một lần trả 2.000.000đ, nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trương Văn C, ông Trương Hồng Đ trả cho bà S nợ gốc 9.750.000đ tiền mua xe máy có biển số 78G1 – 061.06 (đứng tên Lê Văn Th) là có căn cứ.

[2] Về xác định lãi: Giao dịch giữa các bên được thực hiện từ năm 2012, tại Điều 3 của Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 21/01/2012, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng/tổng nợ. Hợp đồng trả góp mua xe máy giữa nguyên đơn và bị đơn được lập trước ngày 01/01/2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự 2005, áp dụng

các quy định tại các Điều 438, khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 giữa các bên có thỏa thuận về lãi trả chậm tuy nhiên lãi thỏa thuận vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố do đó chỉ chấp nhận tính lãi suất là 1.125%/tháng. Do đó Hội đồng xét xử xác định lãi chậm trả tính từ ngày 22/11/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2019 là 06 năm 10 tháng 02 ngày x 9.750.000đ x 1.125%/tháng = 9.002.053đ (*chín triệu không trăm lẻ hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng*).

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn ông Trương Văn C và ông Trương Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là 18.752.053đ (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng*) (trong đó tiền gốc 9.750.000đ , tiền lãi 9.002.053đ). Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005; Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2013. Buộc bị đơn ông Trương Văn C, ông Trương Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 18.752.053đ (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng*) (trong đó tiền gốc 9.750.000đ , tiền lãi 9.002.053đ)). Bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn Th phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1 – 061.06 cho ông Trương Văn C, ông Trương Hồng Đ khi ông C, ông Đ trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuế trước bạ lần 02 do ông C, ông Đ nộp.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 25/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

3. Về án phí: Bị đơn ông Trương Văn C, ông Trương Hồng Đ phải chịu 937.602 đồng án phí DSST. Nguyên đơn Bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí DSST, DSPT. Hoàn lại cho nguyên đơn bà S số tiền tạm ứng án phí 544.000đ theo Biên lai thu tiền số 12735 ngày 12/8/2013 và biên lai số 0001103 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA.

Mai Tấn Hoàng

Văn Căn, ông Trương Hồng Đức khi ông Căn, ông Đức trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuế trước bạ lần 02 do ông Căn, ông Đức nộp.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 25/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

3. Về án phí: Bị đơn ông Trương Văn Cẩn, ông Trương Hồng Đức phải chịu 937.602 đồng án phí DSST. Nguyên đơn Bà Hồ Thị Thanh Sương không phải chịu án phí DSST, DSPT. Hoàn lại cho nguyên đơn bà Sương số tiền tạm ứng án phí 544.000đ theo Biên lai thu tiền số 12735 ngày 12/8/2013 và biên lai số 0001103 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Trần Minh Quang.

Mai Tấn Hoàng